TRUNG TÂM NCKH&ĐTCK

DANH SÁCH THAM DỰ KÌ THI CUỐI KHÓA
Khóa học "Tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành chứng khoán"
Từ ngày: 10/11/2025 đến ngày 10/12/2025. Ngày thi: 18/12/2025
Mã lớp: BL072025

TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số máy
Ca 1 từ 09H00-10H00 phòng 304				
1	Lê Như An	19/12/1981	Phú Thọ	01
2	Nguyễn Thị Ngân Anh	22/04/1983	Hưng Yên	02
3	Nguyễn Hải Anh	13/03/1998	Hà Nội	03
4	Nguyễn Lan Anh	03/10/2002	Hà Nội	04
5	Đinh Quang Anh	01/04/1999	Ninh Bình	05
6	Nguyễn Phương Anh	08/05/1998	Hà Nội	06
7	Nguyễn Phương Anh	05/05/2002	Hà Nội	07
8	Hoàng Cơ Bách	31/12/1993	Liên Bang Nga	08
9	Vũ Đức Cảnh	12/10/1992	Ninh Bình	09
10	Nguyễn Minh Châu	05/10/1997	Thanh Hóa	10
11	Trần Hà Chi	14/06/1999	Hà Nội	11
12	Nguyễn Thị Chi	11/12/1993	Hà Nội	12
13	Bùi Thị Thương Chính	29/09/1989	Hà Nội	13
14	Nguyễn Mạnh Đạt	07/04/2001	TP HCM	14
15	Tống Phước Đạt	31/07/1999	Hà Nội	15
16	Nguyễn Bách Điệp	12/05/1992	Ninh Bình	16
17	Phan Mạnh Đức	27/10/2004	Hải Phòng	17
18	Vũ Anh Đức	08/06/2003	Hà Nội	18
19	Trịnh Khắc Dương	27/07/1984	Hải Dương	19
20	Lê Thị Hoàng Giang	15/10/1989	Bắc Ninh	20
21	Lê Mạnh Hà	01/07/1993	Hà Nội	21

TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số máy
22	Nguyễn Bảo Hân	29/08/2005	Hà Nội	22
23	Nguyễn Thị Thu Hằng	17/02/1996	Hưng Yên	23
24	Trần Thị Hồng Hạnh	30/01/1999	Ninh Bình	24
25	Nguyễn Thanh Hoa	01/11/1995	Hà Nội	25
26	Tôn Thất Việt Hoàng	16/09/1998	Hà Nội	26
27	Trần Đoàn Hùng	25/03/1993	Hưng Yên	27
28	Nguyễn Ngọc Hùng	18/09/2000	Hà Nội	28
29	Nguyễn Hoàng Hưng	09/11/1998	Nam Định	29
30	Lê Đức Huy	19/01/1998	Hà Nội	30
31	Phạm Thanh Huyền	26/09/1976	Hà Nội	31
32	Hoàng Như Huyền	20/07/1993	Bắc Ninh	32
33	Phạm Thị Ngọc Huyền	06/03/2001	Bắc Ninh	33
34	Nguyễn Ngọc Khang	27/09/1988	Hà Nội	34
35	Đinh Quốc Khánh	07/03/2001	Ninh Bình	35
Ca 1 từ 09H00-10H00 phòng 303				
36	Vũ Hoàng Khiêm	18/07/2001	Ninh Bình	01
37	Phạm Khánh Linh	21/05/1996	Hưng Yên	02
38	Cao Thùy Linh	08/10/2000	Hà Nội	03
39	Thạch Thị Quỳnh Loan	15/04/1991	Nghệ An	04
40	Hà Văn Luật	10/09/1991	Ninh Bình	05
41	Đào Ngọc Ánh Ly	27/04/1992	Hà Nội	06
42	Nguyễn Hoàng Mai	24/01/1999	Hà Nội	07
43	Nguyễn Đức Minh	21/01/1997	Hà Nội	08
44	Phạm Vũ Hà My	21/03/2003	Nam Định	09
45	Bùi Hữu Nam	26/07/2001	Hà Nội	10
46	Trần Thị Bảo Ngọc	06/12/1980	Hà Nội	11
47	Đặng Hải Nguyên	19/05/2004	Hải Phòng	12

TT	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số máy
48	Lê Trần Khôi Nguyên	06/02/2001	Hà Nội	13
49	Mai Kim Oanh	29/09/1990	Hà Nội	14
50	Nguyễn Thu Phương	28/09/1998	Hà Nội	15
51	Dương Thị Diễm Quỳnh	13/01/2001	Hưng Yên	16
52	Nguyễn Hoàng Sào	06/07/1983	Nghệ An	17
53	Phạm Ngọc Sơn	11/01/1997	Hưng Yên	18
54	Nguyễn Duy Thắng	29/11/1998	Hà Nội	19
55	Nguyễn Ngọc Thanh	06/07/1996	Hà Nội	20
56	Phùng Công Thành	12/09/1986	Hà Nội	21
57	Nguyễn Đăng Thành	02/03/2002	Hà Nội	22
58	Đỗ Phương Thảo	19/11/2003	Hà Nội	23
59	Nguyễn Thanh Thảo	11/10/1998	Hà Nội	24
60	Nguyễn Ngọc Thơm	31/10/2000	Thái Nguyên	25
Ca 2 từ 10H05-11H05 phòng 304				
61	Lê Thị Huyền Trang	31/05/1997	Hải Phòng	40
62	Nhữ Ngọc Nguyên Trực	07/05/1996	Hải Phòng	39
63	Thạch Ngọc Trung	25/05/1998	Nga	38
64	Nguyễn Hữu Trung	01/01/1995	Hà Nội	37
65	Nguyễn Anh Tú	10/11/1990	Hà Nội	36
66	Nguyễn Anh Tú	18/08/1999	Phú Thọ	35
67	Trần Văn Tuấn	30/12/1997	Hải Dương	34
68	Trần Thảo Uyên	19/08/2000	Hà Nội	33
69	Chu Hải Yến	24/04/1980	Lạng Sơn	32